

LÝ THUYẾT HÒA KẾT: VĂN HÓA VÀ CÁCH CON NGƯỜI TƯ DUY

BẠCH THỊ THU HIỀN*
NGUYỄN THỊ KIỀU THU**

Các nhà nghiên cứu từ lâu đã có nhiều công trình nghiên cứu nhằm tìm hiểu thêm về cách con người suy nghĩ và tương tác với nhau trong môi trường xã hội. Bài viết nhằm giới thiệu đến độc giả tiếng Việt một cái nhìn rõ hơn về Lý thuyết hòa kết của Gilles Fauconnier và Mark Turner khi miêu tả các mô hình và quá trình hòa kết xảy ra bên trong bộ não con người. Bài viết cũng nhấn mạnh đến vai trò quyết định của yếu tố văn hóa khi tìm kiếm các tiêu chí để có được ánh xạ chọn lọc phù hợp đến vùng hòa kết. Do văn hóa của từng quốc gia có những đặc điểm khác nhau nên cần phải có những nghiên cứu cụ thể về tầm ảnh hưởng của văn hóa lên từng ngôn ngữ riêng biệt.

Từ khóa: lý thuyết hòa kết, mô hình và quá trình tích hợp ý niệm, ánh xạ chọn lọc, ảnh hưởng văn hóa

Nhận bài ngày: 15/12/2017; đưa vào biên tập: 28/12/2017; phản biện: 9/3/2018; duyệt đăng: 20/4/2018

1. DẪN NHẬP

Cách mỗi cá nhân tư duy đều khác nhau; những người thuộc các ngành nghề khác nhau, độ tuổi khác nhau, trình độ học vấn... cũng có tư duy

khác nhau. Ngoài sự khác biệt do những yếu tố bên ngoài tác động đến thì con người cũng có cách tư duy khác nhau với từng loại thông tin khác nhau; chẳng hạn việc cảm thụ một tác phẩm văn học khác việc tiếp nhận thông tin đơn thuần trong giao tiếp hằng ngày; một bên là tư duy đòi hỏi trí tưởng tượng cao và bên kia là tư duy mang tính tự động. Những hoạt

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

** Trường Đại học Tôn Đức Thắng.

động tinh thần cơ bản này tuy vậy không chỉ đơn thuần là sự lắp ghép những mảnh thông tin rời rạc mà thật ra đó là sự hòa trộn các ý niệm vốn có, được gọi là hòa kết ý niệm hoặc tích hợp ý niệm và đã được Gilles Fauconnier và Mark Turner (2003) giới thiệu với tên gọi *Lý thuyết hòa kết*. Lý thuyết này giúp soi rọi việc hai ý tưởng sát nhập vào nhau để sinh ra một cấu trúc mới với những nguyên tắc chi phối cụ thể, vừa có ảnh hưởng của hai đầu vào, vừa có tính sáng tạo cao. Bài viết này nhằm tìm hiểu cách thức con người tư duy thông qua *Lý thuyết hòa kết* của hai tác giả trên.

2. MÔ HÌNH MẠNG LƯỚI TÍCH HỢP Ý NIỆM

Trước tiên, để hiểu rõ về sự tích hợp ý niệm trong não bộ của con người khi hoạt động liên tục, tạo ra những cấu trúc mới - cấu trúc hiển hiện - trên cơ sở các cấu trúc bền vững vốn có trước đó, giúp con người hiểu được những điều xảy ra, tạo thành một mạng lưới tích hợp và đồng thời xóa bỏ những cấu trúc này để tạo ra những cấu trúc mới khác, những mạng lưới tích hợp mới. Các cấu trúc mới được hình thành trên cơ sở tương hợp văn hóa trong một xã hội cụ thể. Do có sự gắn kết giữa văn hóa với tư duy nên văn hóa hình thành một mạng lưới tích hợp tư duy của nhiều người trong một cộng đồng văn hóa và truyền từ người này sang người khác trong cộng đồng đó vì mọi thành viên trong cộng đồng đều có năng lực tích hợp lưỡng vi. Trong mối tương tác hằng ngày, những người trong cộng

đồng liên tiếp phát triển các vùng hòa kết theo cách hình thành các vùng hòa kết mới sau đó lại phá bỏ để tái tạo thành một vùng hòa kết mới hơn, cho đến khi các vùng hòa kết này đến được thang độ nhân tính, đó là khi con người có thể trực tiếp sử dụng để hiểu những điều xảy ra trong thế giới vật chất, thế giới tinh thần và thế giới xã hội của mình.

3. CÁC NGUYÊN TẮC CỦA MÔ HÌNH MẠNG LƯỚI TÍCH HỢP Ý NIỆM

Con người tồn tại và hoạt động nhờ vào các mạng lưới tích hợp ý niệm này và mô hình của mạng lưới tích hợp ý niệm có một số nguyên tắc chính được Gilles Fauconnier và Mark Turner xác định như sau:

Các không gian tinh thần là những ‘gói’ ý niệm được cấu trúc nên khi chúng ta suy nghĩ và nói năng, với mục đích để hiểu và hành động tại lúc đó, các không gian tinh thần được kết nối tới tri thức tối giản vốn có từ trước được gọi là “các khung” và kết nối tới tri thức cụ thể đã có từ lâu. Các không gian tinh thần chỉ mang tính bộ phận vì chứa những yếu tố được cấu trúc nên bởi các khung. Các không gian tinh thần liên kết với nhau và có thể được điều chỉnh lại trong tư duy và ngôn ngữ, cũng như có thể được sử dụng khái quát để tạo nên các ánh xạ động trong tư duy và ngôn ngữ.

- *Các không gian đầu vào*: Trong mạng lưới thường có hai không gian tinh thần, mỗi không gian tinh thần là một cấu trúc bộ phận tương ứng với không gian đầu vào.

- *Ánh xạ xuyên miền*: Một ánh xạ xuyên miền cục bộ liên kết các phần tương ứng giữa các không gian đầu vào lại với nhau.

- *Không gian tổng loại*: Một không gian tinh thần mang tính tổng quát được gán lên mỗi đầu vào và chứa những điểm chung của những đầu vào.

- *Vùng hòa kết*: Đây là không gian tinh thần thứ 4 bên cạnh hai không gian đầu vào và không gian tổng loại.

- *Cấu trúc phát sinh*: Vùng hòa kết phát triển làm xuất hiện một cấu trúc mới mà không có sẵn trong các đầu vào. Đầu tiên, quá trình *kết hợp* các yếu tố tổng những đầu vào tạo ra các mối quan hệ trong vùng hòa kết mà vốn không hề tồn tại trong những đầu vào riêng rẽ. Khi các mối quan hệ này *hoàn thành* quá trình hòa kết thì vùng hòa kết lại có thêm một cấu trúc khác. Quá trình hoạt hóa trong vùng hòa kết được gọi là *bổ sung* và đưa đến việc chỉnh sửa dựa vào tưởng tượng để có một cấu trúc mới không tồn tại trong cả hai không gian tinh thần đầu vào.

Khi vùng hòa kết hoạt động, các liên kết với đầu vào vẫn luôn được giữ nguyên, sao cho mọi liên kết “về những yếu tố giống nhau” giữa các miền nảy sinh và khiến cho người ta hiểu ngay tức thì. Nhưng để được như thế thì các liên kết tương ứng phải được vô thức giữ nguyên kể cả khi có sự thay đổi đột ngột giữa 4 không gian tinh thần.

Dựa trên các không gian đầu

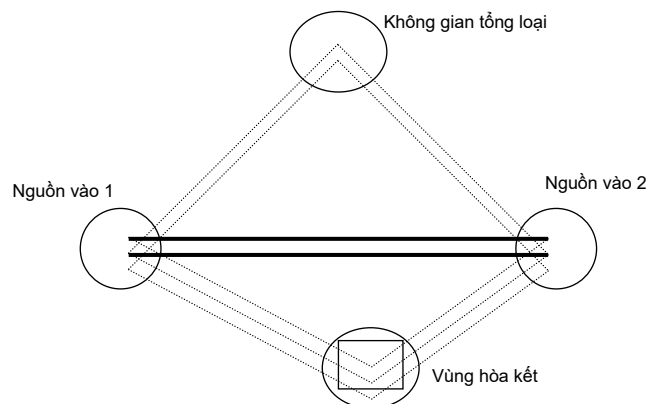
vào, bộ não con người xây dựng vùng hòa kết và bất kỳ điểm nào trên đường đi trong vùng hòa kết cũng ánh xạ tới những yếu tố tương ứng của nó trong không gian đầu vào. Nói một cách khái quát hơn, mọi thứ được trộn lẫn trong vùng hòa kết sẽ ánh xạ ngược về các yếu tố tương ứng của nó trong các không gian đầu vào.

Tích hợp ý niệm luôn liên quan tới ít nhất là 4 không gian: hai không gian đầu vào, một không gian tổng loại, và một không gian hòa trộn. Tích hợp ý niệm là một quá trình hoạt động nên nhiều không gian tinh thần khác nhau có thể được thực hiện liên tục, các đầu vào của nó có thể trở thành các đầu vào cho một quá trình hòa kết kế tiếp.

4. QUÁ TRÌNH HÒA KẾT Ý NIỆM

Sơ đồ 1 mô tả những thuộc tính chủ yếu của quá trình tích hợp ý niệm, chúng ta có thể thấy: các vòng tròn thể hiện các không gian tinh thần, các đường kẻ đậm thể hiện sự gắn kết và ánh xạ xuyên miền giữa các không

Sơ đồ 1. Mạng lưới tích hợp theo Lý thuyết hòa kết



Nguồn: Fauconnier và Turner, 2003.

gian, các đường thẳng gián đoạn bằng dấu chấm thể hiện sự liên kết giữa các đầu vào với không gian tổng loại hoặc sự liên kết giữa các đầu vào với không gian hòa kết, và hình vuông đậm trong không gian hòa kết thể hiện cấu trúc phát sinh.

Dựa vào sơ đồ trên, chúng ta có thể minh họa được mạng lưới tích hợp cũng như quá trình hòa kết qua nhóm từ '*nhi đồng cụ*' trong tiếng Việt như sau:

Trong mô hình tối giản của ví dụ này, một không gian đầu vào là tập hợp các đặc trưng của nhóm người cao tuổi và một không gian đầu vào khác là tập hợp các đặc trưng của nhóm thiếu nhi. Các bộ phận của hai không gian đầu vào mà ở đây là các đặc trưng của nhóm người cao tuổi và thiếu nhi được lắp ghép vào nhau tạo ra các mối liên kết tương ứng với nhau như cách nói năng, cách suy nghĩ, hành động cụ thể, vóc dáng, giọng nói,... Hai không gian này tương ứng với miền nguồn và miền đích trong mô hình lý thuyết ẩn dụ và ngoài hai không gian đầu vào này còn có không gian tổng loại hay còn gọi là không gian chung mà ở đó chứa đựng các đặc trưng chung giữa các đầu vào, cụ thể trong trường hợp này là con người với các thuộc tính chung như cảm xúc cá nhân (buồn, vui, giận dữ...), cách biểu đạt cảm xúc qua cử chỉ, hành động,... Không gian thứ tư của mạng lưới là vùng hòa kết, tại đây các đặc trưng xuất hiện ở hai đầu vào được phóng chiếu đến, bên cạnh những đặc trưng chung đã xuất hiện ở

không gian tổng loại thì ở đây còn có những đặc trưng cụ thể hơn của mỗi đầu vào và do vậy, trong vùng hòa kết có thể có những đặc trưng không hề tồn tại ở mỗi đầu vào riêng lẻ vì trong quá trình lắp ghép các đặc trưng của hai nhóm 'nhi đồng' và 'người cao tuổi' với nhau thì tại vùng hòa kết xuất hiện các cấu trúc phát sinh. Trong trường hợp này, cấu trúc phát sinh là sự kết hợp đặc trưng của cả hai nhóm người nói trên, đó là một đứa trẻ mang đặc trưng của nhóm người già. Tuy nhiên, không phải mọi yếu tố ở đầu vào đều được phóng chiếu đến vùng hòa kết, trong trường hợp của ví dụ '*nhi đồng cụ*' thì người tiếp nhận thông tin sẽ hình thành trong tư duy hình ảnh của một người với vóc dáng bé nhỏ của một đứa trẻ nhưng có cách hành xử, nói năng, suy nghĩ như một người lớn tuổi. Với cách tiếp nhận này, đặc trưng về cách ứng xử, nói năng sẽ là ảnh xạ được chọn lọc hơn so với đặc trưng về sức khỏe hay chiều cao.

Bên cạnh đó, có một ví dụ khác ngược lại với cụm từ '*nhi đồng cụ*' là '*lão ngoan đồng*' được dùng để chỉ một người cao tuổi nhưng tính nét, hành động như một đứa trẻ. Đây cũng là kết quả của quá trình hòa kết với cùng hai đầu vào như nhau, nhưng do miền nguồn ở đây là đứa trẻ và miền đích là người già nên trong không gian chung có sự gắn kết khác nhau dẫn đến ảnh xạ xuyên miền đến vùng hòa kết cũng khác nhau.

Tương tự với '*lão ngoan đồng*' của tiếng Việt, trong tiếng Anh chúng tôi bắt gặp cụm từ '*the little boy*

President - vị tổng thống trẻ con. Trường hợp này cũng là một minh họa cho quá trình hòa kết của hai đầu vào, với miền nguồn là tập hợp đặc trưng của một cậu bé hồn nhiên không có sự tính toán và sự khôn ngoan từng trải,... và miền đích là tập hợp các tiêu chí, phẩm chất cần thiết của một nhà lãnh đạo. Trong không gian tổng loại, các yếu tố tương ứng được gắn vào nhau và trong vùng hòa trộn các chi tiết từ hai đầu vào sẽ tương tác với nhau, từ đó hình thành một 'hình ảnh' tinh thần khác với thực tế ở hai đầu để có được cấu trúc phát sinh là hình ảnh của một vị lãnh đạo quốc gia với những đặc trưng của một đứa trẻ. Những đặc trưng được chọn lọc để phóng chiếu sẽ tùy thuộc vào sự tưởng tượng của con người nói chung, cụ thể là của bản thân người đọc hoặc nghe chọn ra.

Trong các ví dụ trên, quá trình hòa kết tương đối đơn giản, tuy nhiên trong một số trường hợp khác thì mạng lưới hòa kết sẽ phức tạp hơn khi mỗi đầu vào là cả một mạng lưới. Các mạng lưới này sẽ tạo thành vùng đa hòa kết. Các cấu trúc phát sinh sẽ được tạo ra bằng những phương thức phức tạp hơn thông qua quá trình hoàn tất và bổ sung để tạo ra các vùng hòa kết mới, hoặc có thể được điều chỉnh lại. Đó chính là khả năng sáng tạo, phát triển của vùng hòa kết bởi sự đa dạng, phong phú của thế giới vật chất và tinh thần.

5. NGUYÊN TẮC PHÁT TRIỂN CÁC VÙNG HÒA KẾT VÀ KHUNG SÁNG TẠO

Năm 1987, George Lakoff và Zoltan Kovecses đã có một nghiên cứu về cách con người hiểu ẩn dụ chỉ sự giận dữ, trong đó hai tác giả chỉ ra ánh xạ giữa các mô hình về nhiệt và sự giận dữ mà con người thường phải trải nghiệm. Trong ánh xạ này, một vật chứa được đun nóng được dùng để biểu thị một cá nhân đang nổi giận, nguồn nhiệt được gắn với sự giận dữ, khói và hơi (các dấu hiệu của nhiệt) được xem như các dấu hiệu của sự giận dữ, việc phát nổ được so sánh với cơn thịnh nộ không kiểm soát được. Ánh xạ này được phản ánh trong các câu thông thường như:

- *Đầu anh ta đang bốc khói.*

- *Tôi đang (giận) sôi lên đây.*

- *Anh ta sắp nổ rồi.*

Lakoff và Kovecses cũng lưu ý rằng ẩn dụ này được dựa trên lý thuyết không gian về những tác động sinh lý học khi con người giận dữ, lúc ấy nhiệt cơ thể tăng lên, huyết áp tăng, mặt đỏ lên, người run lên. Mối liên hệ chủ chốt Nguyên nhân-Hệ quả liên kết các xúc cảm với những tác động sinh lý học và mối liên hệ này cho phép ta có những biểu đạt để chỉ ra sự giận dữ như sau: *mặt cô ta đỏ phừng phừng vì giận, mạch máu muốn vỡ tung, anh ta thấy dưới cổ áo nóng lên.*

Hai tác giả chỉ ra rằng ánh xạ ẩn dụ và mối liên hệ chủ chốt này đã giúp định nghĩa những kiểu tương quan như sau:

Bảng 1. Cảm xúc và cơ thể

Đầu vào nhiệt	Đầu vào cảm xúc	Đầu vào cơ thể
---------------	-----------------	----------------

Các sự kiện vật chất	Xúc cảm	Sinh lý học
Vật chứa	Người	Người
Nhiệt	Giận dữ	Nhiệt cơ thể
Hơi nước	Dấu hiệu giận dữ	Toát mồ hôi, đỏ mặt
Điểm sôi	Cảm xúc cao nhất	Run, cơ thể mất kiểm soát, những hành vi bạo lực
Phát nổ	Cho thấy sự giận dữ cực độ	

Ở đây có những không gian độc lập về cảm xúc giận dữ và các trạng thái cơ thể. Ngoài ra, cũng có cả một khái niệm văn hóa mang tính quy ước về mối quan hệ này dựa trên sự tương quan như: con người ta thường bị đỏ mặt và run rẩy khi họ giận dữ và hai tác giả gọi đây là “câu chuyện của cảm xúc và cơ thể”. Ngoài ánh xạ ẩn dụ giữa Nhiệt và Cảm xúc cũng như mối liên hệ chủ chốt giữa Cảm xúc và Cơ thể thì còn có một ánh xạ bộ phận thứ ba giữa Nhiệt và Cơ thể. Trong ánh xạ này, hơi nước từ một vật chứa được liên hệ với hiện tượng toát mồ hôi, nhiệt của vật chất được liên hệ với nhiệt cơ thể, và sự lắc lư của vật chứa được liên hệ với việc cơ thể run lên.

Ba ánh xạ bộ phận này là cơ sở để tạo ra một vùng đa hòa kết mang tính quy ước trong đó các yếu tố tương ứng đầu vào được hòa quyện với nhau và sẽ sinh ra chẳng hạn như một yếu tố duy nhất đó là nhiệt từ sự giận dữ và từ cơ thể, và đó là yếu tố có thể gây nổ khi tiến đến sự giận dữ cực độ, cơ thể bắt đầu run lên. Một khi chúng ta đã đạt được vùng hòa kết này,

chúng ta có thể vận hành nó, thúc đẩy nó tạo ra cấu trúc phát sinh xa hơn, và thậm chí có thể chọn ra những thông tin khác đến đầu vào để phát triển lên. Chẳng hạn, chúng ta có thể nói rằng:

Ông ta giận đến độ như thể có khói bốc ra từ hai lỗ tai.

Điều này xảy ra là do yếu tố ‘lỗ tai’ đã được chọn để đưa đến đầu vào ‘cơ thể’ và một điểm phát nhiệt được chọn để đưa đến đầu vào ‘nhiệt’, rồi ánh xạ chúng đến cùng một yếu tố trong vùng hòa kết. Bây giờ xuất hiện một phản ứng sinh lý mới là khói bốc ra từ ‘lỗ tai’, mà vốn không tồn tại trong đầu vào ‘cơ thể’ lúc ban đầu. Trong vùng hòa kết, phản ứng này được hòa vào sự giận dữ. Cách nói thường gặp như “*Anh ta phát khùng lên*” cũng có thể là từ những phản ứng sinh lý phát sinh trong vùng hòa kết mà đã không tồn tại ở đầu vào ‘cơ thể’. Trong những trường hợp này, khái niệm về “sinh lý học tương quan với xúc cảm” là đến từ các đầu vào “mối liên hệ của xúc cảm và cơ thể”, nhưng nội dung cụ thể của phản ứng sinh lý học (bốc khói, phát nổ) là đến từ đầu vào ‘nhiệt’. Đây là một mạng lưới đa phạm vi, với một không gian tổng loại quy ước chung (mối liên hệ của cảm xúc và cơ thể) có trong hai đầu vào và các mối liên hệ giữa các không gian tinh thần, thêm vào đó là một quá trình nén các mối liên hệ chủ chốt ngoại miền để tạo thành một yếu tố duy nhất trong vùng hòa kết.

6. VĂN HÓA - YẾU TỐ GIẢI MÃ VÀ KIẾN TẠO VÙNG HÒA KẾT

Mạng lưới tích hợp có những mối quan hệ gắn kết với nhau trên cơ sở các ánh xạ phù hợp. Tuy nhiên vấn đề quan trọng là những ánh xạ nào được chọn xuất hiện ở kết quả cuối cùng. Do vậy, câu hỏi ánh xạ được chọn như thế nào luôn là mối quan tâm của các nhà nghiên cứu theo tri nhận luận. Lakoff và Johnson cho rằng sự tương hợp văn hóa là yếu tố quyết định trong việc hình thành các ánh xạ được chọn trong từng trường hợp cụ thể.

Như vậy, khi cho rằng yếu tố văn hóa đóng vai trò then chốt trong việc quyết định các ánh xạ nào là phù hợp, thì dường như trong các nền văn hóa đã có một vùng hòa kết từ trước. Các thể hệ sau là người thừa hưởng những di sản này một cách vô thức và sử dụng một cách dễ dàng. Tuy nhiên, do mỗi dân tộc có những niềm tin văn hóa khác nhau nên cách nghĩ của con người trong mỗi nền văn hóa cũng khác nhau. Chúng ta có thể nhận thấy tác động của điều này lên ngôn ngữ khi có những cách biểu đạt khác nhau về cùng một sự tình trong những ngôn ngữ khác nhau.

Trong tiếng Việt có câu "*Chơi dao có ngày đứt tay*", để nói lên kinh nghiệm lâu đời là nếu chúng ta làm những điều nguy hiểm thì sẽ tự rước vạ vào thân. Do kinh nghiệm này mang tính phổ quát nên trong tiếng Anh cũng có một câu tương tự "*If you play with fire, you get burned*". Tuy nhiên, trong nếp nghĩ của người Việt 'dao' dù là một vật gần gũi, hữu dụng trong sinh hoạt hằng ngày, nhưng đồng thời cũng là một vật có thể gây thương tích cho

người sử dụng nó. Đối với người Anh, 'lửa' bên cạnh là nguồn ánh sáng mang lại hơi ấm cho con người thì lại có ý nghĩa biểu trưng cho nỗi đau và cái chết, đặc biệt là nét nghĩa tiêu cực khi hình ảnh ngọn lửa thường đi cùng với hình ảnh Địa ngục, Kinh Thánh nhắc đến 'lửa' như hình phạt cho tội lỗi. Bên cạnh đó, trong văn hóa phương Tây lửa là một trong bốn yếu tố tạo dựng thế giới và rất quen thuộc trong suy nghĩ của con người; nhưng đồng thời lửa thường được xem là sức mạnh hủy diệt, vì thế 'lửa' cũng thường được gắn kết với mối nguy hiểm như trong câu thành ngữ tiếng Anh. Điều này cho thấy ở hai nền văn hóa khác nhau, mối nguy hiểm được định hình bằng hai hình ảnh khác nhau. Dù trong tiếng Việt có thành ngữ 'chơi với lửa' để chỉ hành động nguy hiểm nhưng liệu thành ngữ này có phải là ảnh hưởng của sự giao thoa với văn hóa phương Tây hay không; và liệu nó có xuất hiện muộn hơn câu tục ngữ 'Chơi dao có ngày đứt tay' thì chưa được làm rõ. Tương tự, trong tiếng Anh cũng có câu "*Don't play with edged tools*" (Đừng đùa với vật có cạnh sắc bén) nhưng cách nói này không mang nhiều tính đặc thù văn hóa bằng câu chứa hình ảnh lửa như mối nguy hiểm.

Các từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể cũng là nguồn cung cấp các minh chứng về sự khác biệt văn hóa thể hiện qua ngôn ngữ. Để diễn tả sự thông minh, người Việt dùng từ '*sáng dạ*' vì theo quan niệm dân gian, *bụng* và *dạ* là nơi định vị hay chứa trí tuệ con người, là

cơ quan suy nghĩ như não bộ, và đã được cho là nghiêng về khả năng nhận thức. Trong khi đó, tiếng Anh lại có từ ‘*good head*’ (đầu giỏi) vì theo quan niệm phương Tây, bộ óc con người là đầu não, điều khiển các hoạt động tư duy, nhận thức. Một ví dụ khác: để diễn tả sự tử tế, người Việt có từ ‘*tốt bụng*’ vì bụng là nơi chứa đựng các cơ quan nội tạng thiết yếu của con người và từ đó được chuyển nghĩa theo hướng ẩn dụ như một vật chứa các suy nghĩ, cảm xúc để hình thành thế giới nội tâm. Ngược lại, trong văn hóa phương Tây, cái đầu của con người chứa đựng tư duy, tri thức và đối lập với trái tim là nơi chứa đựng cảm xúc và như thế trái tim có vị trí là trung tâm tình cảm của con người nên trong tiếng Anh có từ ‘*warm-hearted*’ (trái tim nồng ấm) và ‘*kind-hearted*’ (trái tim tử tế). Chính vì thế, tuy cùng diễn tả một ý tưởng nhưng hai ngôn ngữ thông qua bộ lọc văn hóa đã có những cách thể hiện khác nhau.

Bên trên, chúng tôi đã dẫn ra một số ví dụ bằng tiếng Việt và tiếng Anh mà qua đó phần nào cho thấy vai trò quyết định của văn hóa trong cách con người suy nghĩ để có được sản phẩm cuối của quá trình hòa kết ý niệm là những cách biểu đạt khác nhau đối với cùng một sự vật, sự tình. Tùy trường hợp mà quá trình này đôi khi chỉ có một số ánh xạ đơn giản phù hợp với văn hóa của cộng đồng liên quan, nhưng đôi khi rất phức tạp, như một chuỗi liên tục các hoạt động hòa kết được hoàn thành và chỉnh sửa để

có những vùng hòa kết mới với cách hiểu mới, khác biệt với những cách hiểu thông thường.

Sự khác biệt trong cách suy nghĩ được thể hiện cụ thể qua ngôn ngữ để có những cách biểu đạt khác nhau trong từng ngôn ngữ về cùng một nội dung như đã trình bày cho thấy tác động của văn hóa nói chung trong cách con người suy nghĩ.

Yếu tố văn hóa đóng vai trò then chốt trong việc quyết định các ánh xạ nào là phù hợp được dựa trên một vùng hòa kết trong các nền văn hóa đã có sẵn từ trước và tích tụ lại để thế hệ sau có thể dễ dàng chọn ra ánh xạ phù hợp và dễ dàng để hiểu được các trường hợp mới được tạo ra. Có thể nói, văn hóa đóng vai trò là phần nền tạo ra mạng lưới tích hợp cơ bản, làm cho vùng hòa kết đạt được thang độ nhân tính, nghĩa là ở mức độ làm cho con người hiểu được nhờ vào các khung hoặc kịch bản mà họ đã quen thuộc được thể hiện trong ngôn ngữ, các nghi thức, các hình thức nghệ thuật, cách ăn uống, hành xử. Nhờ vào mạng lưới tích hợp và hoạt động hòa kết mà chúng ta tri nhận được thế giới vật chất, tinh thần và xã hội.

Điều đặc biệt ở con người là khả năng sáng tạo. Từ những vùng hòa kết đơn giản, con người tạo ra những vùng hòa kết phức tạp bằng cách tháo gỡ các mạng lưới tích hợp cũ, tạo ra vùng hòa kết mới có những cấu trúc phát sinh mới và từng bước phát triển tri thức ý niệm và dẫn đến sự phát triển tri thức văn hóa và tri thức khoa học.

7. KẾT LUẬN

Trong lĩnh vực ngôn ngữ học tri nhận, các nhà nghiên cứu luôn quan tâm đến cách con người tư duy vì đó là mấu chốt để giúp hiểu được những hoạt động của con người trong cuộc sống hằng ngày cũng như mối quan hệ của nó với ngôn ngữ và đời sống tinh thần. Những phát hiện của George Lakoff, Mark Johnson, Kovecses về tư duy và những đóng góp theo hướng nghiên cứu tri nhận kết hợp với lĩnh vực khác như thần kinh học của Feldman, Narayanan, Christopher Johnson, Joe Grady (1997), đã làm sáng tỏ nhiều vấn đề về cách con người tư duy. Trong bài viết này, chúng tôi đã sử dụng Lý thuyết hòa kết của hai tác giả Fauconnier và Turner để nói về cách con người tư duy thông qua mạng lưới tích hợp ý niệm và quy trình hòa kết ý niệm diễn ra trong bộ não con người. Với lý thuyết này, hai tác giả đã giúp

chúng ta nhận thức một cách rõ nét về quá trình xử lý thông tin trong vùng hòa kết với đóng góp mới là phát hiện có 2 vùng không gian tinh thần mới bên cạnh 2 không gian đầu vào, đó là vùng không gian tổng loại và vùng hòa kết. Tuy nhiên, dù nhắc đến ánh xạ chọn lọc và cho rằng lý do được chọn là ‘không đoán được’, nhưng hai tác giả đã lý giải được phần nào bằng yếu tố văn hóa tác động vào việc chọn lọc này. Theo hai tác giả, con người trong những nền văn hóa khác nhau đều dần phát triển nên các vùng hòa kết, phá bỏ, tái hòa trộn chúng, rồi lại tạo ra những vùng hòa kết mới càng gần càng tốt với thang độ nhân tính để có thể sử dụng trực tiếp được. Do mỗi nền văn hóa đều có những đặc điểm riêng nên đi tìm những nguyên nhân cụ thể cho việc ánh xạ nào ‘được chọn’ sẽ đòi hỏi phải hiểu sâu hơn vào từng nền văn hóa cụ thể. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Fauconnier, G. & Turner, M. 2003. *The Way We Think: Conceptual Blending and the Mind's Hidden Complexities*. USA: Basic Books.
2. Grady, J., Coulson, S. & Oakley, T. 1997. Blending and Metaphor in *Metaphor in Cognitive Linguistics*. John Benjamins Publishing Company Amsterdam, Philadelphia.
3. Kovecses, Z. 2005. *Metaphor in Culture Universality and Variation*. Cambridge: Cambridge University.
4. Lakoff, G. & Johnson M. 1980. *Metaphors We Live by*. Chicago: University of Chicago Press.
5. Turner, M. 2007. *Conceptual Integration in Introducing Cognitive Linguistics*. The Oxford Handbook of Cognitive Linguistics. Oxford: University Press.